

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Đề án nghiên cứu các giải pháp tiêu úng  
cho khu vực các xã vùng Bắc Sông Chu - Nam Sông Mã  
giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;*

*Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013; Luật sửa đổi, bổ sung  
một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông  
nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây  
dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Căn cứ Quyết định số 847/QĐ-TTg ngày 14/7/2023 của Thủ tướng  
Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ  
2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 của Thủ tướng  
Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn  
đến năm 2045;*

*Căn cứ Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 31/8/2024 của Thủ tướng  
Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa  
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 01/01/2025 của UBND tỉnh  
về việc ban hành Chương trình công tác năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh  
Thanh Hóa;*

*Căn cứ Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 10/02/2025 của Chủ tịch  
UBND tỉnh về việc phê duyệt đề cương chi tiết “Đề án nghiên cứu các giải pháp  
tiêu úng cho khu vực các huyện Yên Định, Thiệu Hóa, Thọ Xuân, Ngọc Lặc sau  
khi hệ thống kênh Bắc Sông Chu - Nam Sông Mã đưa vào khai thác, sử dụng”<sup>1</sup>;*

<sup>1</sup> Đề án đã được đổi tên từ “Đề án nghiên cứu các giải pháp tiêu úng cho khu vực các huyện Yên Định, Thiệu Hóa, Thọ Xuân, Ngọc Lặc sau khi hệ thống kênh Bắc Sông Chu - Nam Sông Mã đưa vào khai thác, sử dụng” thành “Đề án nghiên cứu các giải pháp tiêu úng cho khu vực các xã vùng Bắc Sông Chu - Nam Sông Mã giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 609/TTr-SNNMT ngày 28/4/2026 (kèm theo hồ sơ Đề án) về việc phê duyệt Đề án nghiên cứu các giải pháp tiêu úng cho khu vực các xã vùng Bắc Sông Chu - Nam Sông Mã giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án nghiên cứu các giải pháp tiêu úng cho khu vực các xã vùng Bắc Sông Chu - Nam Sông Mã giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, với các nội dung chủ yếu sau:

### **I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU**

#### **1. Quan điểm**

- Giải pháp tiêu thoát nước cho vùng Bắc Sông Chu - Nam Sông Mã là vấn đề cấp bách và trách nhiệm của cả hệ thống chính trị. Giải pháp có tầm nhìn tổng thể, định hướng dài hạn, phù hợp với quy hoạch tỉnh Thanh Hóa và các quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành của Trung ương và địa phương.

- Phát triển hạ tầng tiêu thoát nước theo hướng đa mục tiêu phục vụ dân sinh, sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ và các ngành kinh tế khác. Tăng cường thoát nước vùng nghiên cứu ra dòng chính sông Mã và dòng chính sông Chu. Hệ thống công trình phải đồng bộ với hạ tầng công trình cấp nước, công trình giao thông, hạ tầng khác; trong đó, rà soát tổng thể hệ thống kênh Bắc Sông Chu - Nam Sông Mã đảm bảo hạn chế tối đa chuyển lũ từ vùng miền núi về vùng đồng bằng đang khó khăn về tiêu thoát nước như sông Cầu Chày.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số trong dự báo, đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác, vận hành công trình tiêu thoát nước. Đầu tư hạ tầng công trình tiêu thoát nước có trọng tâm, trọng điểm; đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư, nâng cao tỷ trọng nguồn lực đầu tư xã hội hóa.

#### **2. Mục tiêu**

##### **2.1. Mục tiêu tổng quát**

Đảm bảo tiêu thoát nước chủ động cho dân sinh, sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ và các ngành kinh tế khác thuộc vùng Bắc Sông Chu - Nam Sông Mã. Nâng cao năng lực tiêu thoát nước toàn hệ thống, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, môi trường bền vững, thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu.

##### **2.2. Mục tiêu cụ thể**

- Giai đoạn 2026 - 2030:

+ Kiện toàn và nâng cao năng lực tổ chức quản lý, khai thác và sử dụng công trình tiêu thoát nước vùng nghiên cứu. Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyên đổi số trong quản lý, khai thác, dự báo ứng phó tình hình mưa lũ.

+ Đề xuất được các giải pháp tổng thể cho toàn vùng nghiên cứu và các giải pháp nội đồng nhằm tiêu thoát nước kịp thời, đảm bảo cân bằng giữa nhiệm vụ tưới nước và tiêu thoát nước.

+ Đề xuất giải pháp tiêu úng chủ động cho 100% diện tích với tần suất mưa tiêu  $P = 10\%$  cho 93.668 ha đất, gồm: 31.455 ha đất lúa, màu; 6.366 ha đất cây lâu năm; 10.425 ha đất ở; 1.314 ha đất làng nghề, khu công nghiệp và 44.108 ha đất khác.

- Giai đoạn đến năm 2045:

Tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo, khoa học kỹ thuật hiện đại hóa năng lực tổ chức quản lý, khai thác, dự báo ứng phó tình hình mưa lũ. Nâng cao năng lực hạ tầng công trình tiêu úng đáp ứng mô hình tăng trưởng kinh tế - xã hội. Đảm bảo tiêu thoát nước chủ động trong bối cảnh biến đổi khí hậu và chuyển đổi sử dụng đất phát triển đô thị, khu công nghiệp cho 93.668 ha đất.

## II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

### 1. Nhiệm vụ

- Rà soát, đánh giá hiện trạng hệ thống công trình tiêu thoát nước cho khu vực các xã vùng Bắc Sông Chu - Nam Sông Mã, tác động của hệ thống kênh Bắc Sông Chu - Nam Sông Mã sau khi đưa vào sử dụng đến khả năng tiêu thoát vùng nghiên cứu. Nhận diện và xác định các nguyên nhân chính gây ngập úng.

- Dự báo xu thế biến đổi yếu tố khí tượng, thủy văn có xét đến biến đổi khí hậu và yêu cầu tiêu thoát nước. Phân vùng tiêu, tính toán hệ số tiêu phù hợp gắn với cơ cấu sử dụng đất, quy hoạch các ngành và thực trạng phát triển hệ thống công trình tưới, tiêu, giao thông, hạ tầng khác. Tính toán thủy lực đánh giá tình hình ngập úng với các kịch bản có xét đến yếu tố biến đổi khí hậu.

- Đề xuất các nhóm giải pháp (công trình và phi công trình) giải quyết triệt để vấn đề ngập úng vùng nghiên cứu, nhằm đảm bảo phát triển bền vững và sử dụng có hiệu quả tài nguyên nước ở các lưu vực sông vùng nghiên cứu.

- Đề xuất kinh phí, nguồn vốn, phân kỳ đầu tư và tiến độ thực hiện Đề án.

### 2. Nhóm giải pháp công trình

#### 2.1. Giải pháp tăng cường thoát nước cho các trục tiêu chính

##### a) Thanh thải, nạo vét và tăng cường thoát nước cho sông Cầu Chày

- Đầu tư mở rộng hệ thống tiêu công Ngọc Quang tăng cường tiêu thoát từ sông Cầu Chày ra sông Chu: Xây dựng lại mới cống tiêu Ngọc Quang (tại K16+300 đê tả sông Chu); thanh thải và nạo vét sông Quanh (sông Hón Ngòn) từ sông Cầu Chày đến cống Ngọc Quang đảm bảo tiêu theo quy mô mở rộng cống Ngọc Quang.

- Thanh thải, nạo vét dòng chính sông Cầu Chày: Thanh thải, cắt cỏ bầu một số đoạn thuộc các xã Xuân Lập, Yên Ninh, Yên Định, Định Hòa, Yên Phú; mở rộng đáy sông đoạn từ ngã ba xã Yên Phú đến xã Xuân Lập, chiều rộng đáy sông tối thiểu là 20 m và đoạn từ xã Xuân Vinh đến cửa sông Cầu Chày nhập vào sông Mã, chiều rộng đáy sông tối thiểu là 30 m.

- Nạo vét, thanh thải, cắt cỏ bầu nhánh sông Hép từ hạ lưu cầu Máng sông Hép đến ngã ba đổ vào sông Cầu Chày tại xã Yên Phú, chiều rộng đáy sông tối thiểu là 15 m.

*b) Nạo vét, cải dịch suối Thi*

- Đào mới tuyến kênh dẫn nước từ hạ lưu cống luôn số 19 kênh Chính đến dòng chính suối Thi (*đoạn đi sát nhà dân cần được gia cố, tránh sạt lở*).

- Nạo vét suối Thi đoạn từ hạ lưu kênh Chính và kênh chính Nam đến cống xả suối Thi, chiều rộng đáy tối thiểu là 8 m; riêng đoạn đi sát kênh chính Nam (từ K0 - K3+500) cần được cải dịch, gia cố, tránh sạt lở.

*c) Thanh thải, nạo vét, lên đê sông Mậu Khê*

- Nạo vét, thanh thải hệ thống tiêu thoát sông Mậu Khê và các kênh nhánh; hiện đại hóa vận hành các đập chắn giữ nước trên sông như Cổ Bầu, Khánh Hội, Phú Điền...; làm mới cầu Thành Đông, đập Oanh Kiều đảm bảo tiêu thoát.

- Nâng cấp tuyến đê bao sông Mậu Khê, gồm đê hữu Mậu Khê dài 5,5 km và đê tả Mậu Khê dài 8 km đảm bảo chống lũ 10% bảo vệ sản xuất.

**2.2. Giải pháp tiêu thoát nước từ kênh Bắc Sông Chu - Nam Sông Mã**

Quan điểm tiêu thoát nước từ kênh Bắc Sông Chu - Nam Sông Mã là hạn chế tiêu về sông Cầu Chày, tách lưu vực tiêu kênh Bắc Sông Chu - Nam Sông Mã ra sông Âm, suối Thi và sông Mã.

*a) Đối với kênh Chính từ K0 - K16+283*

- Nạo vét và gia cố đoạn kênh suối Pheo ven kênh Chính để tách không cho nước từ suối Pheo chảy vào kênh.

- Thanh thải, khơi thông suối Lãi đảm bảo tiêu cho khu vực vùng hạ du các cống tiêu số 6, 7, 8, 9 thuận lợi ra sông Âm.

- Đào mới tuyến kênh dẫn nước từ cống xả K14+706, dài khoảng 2,64 km đảm bảo tiêu từ kênh Chính ra suối Thi, với lưu lượng khoảng 18 m<sup>3</sup>/s.

*b) Đối với kênh chính Bắc*

- Xây dựng mới cống xả sự cố cho đoạn từ sông Hép đến K34+473 kênh chính Bắc (dự kiến tại K27+471 kênh chính Bắc), tiêu qua cống Phủ Lòi ra sông Cự Mã Giang, đồng thời mở rộng kênh tiêu sau cống xả sự cố với quy mô dự kiến (BxHxL) = (4x2,5x605) m.

- Xây dựng mới cống xả sự cố từ kênh B30 bên bờ tả xuống kênh tiêu Thị Trấn hiện có, quy mô dự kiến (BxHxL) = (2x1,5x30) m.

*c) Đối với kênh chính Nam*

Xây dựng mới tràn ra trước thượng lưu dốc nước Xuân Tín phía bờ tả tại K12+250.

*d) Giải pháp kết nối các cống tiêu luôn, kênh xả sự cố kênh Chính, kênh chính Bắc, kênh chính Nam với hệ thống tiêu hiện có*

- Đối với cống tiêu luôn qua kênh Chính: Mở rộng, khơi thông các rãnh tiêu từ hạ lưu cống số 6, 7, 8, 9 về suối Lãi chảy ra sông Âm; mở rộng, khơi

thông các kênh tiêu hạ lưu công số 10, 13, 13A, 15, 17, 18, 19 ra các suối tự nhiên. Làm mới đường dẫn gom nước từ công tiêu số 16 và hạ lưu công tiêu số 14, 14A dẫn ra suối chính tiêu về suối Côn.

- Đối với công tiêu luôn qua kênh chính Bắc: Mở rộng 10 kênh tiêu hiện có và làm mới 07 kênh tiêu, gồm: hạ lưu các công tiêu số 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, hạ lưu tràn cầu Chày, tràn số 4 (mở rộng), kênh tưới B18; tràn số 1, nối tiếp đoạn mở rộng sau tràn số 4 (làm mới), công tiêu T2, kênh tưới B18-1, các công tiêu số 41, 42, 43, 43a, kênh tiêu Trại Cá.

- Đối với công tiêu luôn qua kênh chính Nam: Mở rộng 01 kênh tiêu hiện có và làm mới 6 kênh tiêu, gồm: kênh tiêu ở hạ lưu tràn Kiên Thọ; các tràn số 2, 3, 4, 5, 6 và kênh tiêu dọc kênh N11.

### **2.3. Giải pháp tăng cường năng lực cho các hệ thống tiêu nội đồng**

#### **a) Vùng tiêu tả sông Cầu Chày**

Để giải quyết tiêu nội đồng cần thực hiện đồng bộ các giải pháp:

- Nạo vét kiên cố hóa kênh Đồng Lược tiêu cho 507 ha khu vực các xã Yên Phú, Yên Tâm thoát nhanh ra sông Cầu Chày.

- Nạo vét hệ thống kênh tiêu thuộc khu tiêu trạm bơm Cầu Khai, gồm: Kênh Cầu Nhìn, kênh 19/5, kênh Mau Bôn, dòng chính Hón En...; làm mới tuyến kênh tiêu Yên Lạc dẫn nước về dòng chính Hón En ra trạm bơm Cầu Khai tiêu cho 150 ha.

- Khu tiêu trạm bơm Nội Hà: Bổ sung 02 máy bơm để tiêu thêm cho 388 ha thuộc khu vực các xã Định Tân, Yên Định; nạo vét trục tiêu Tân Bình và kênh tiêu xã Yên Định để tăng tiêu thoát qua cống Đắc Trí và cống Định Bình.

- Khu tiêu trạm bơm Tường Vân: Nạo vét các kênh tiêu nhánh như kênh Tường Vân, kênh Định Hòa, kênh tiêu Cờ Đỏ.

- Nạo vét, mở rộng tuyến kênh tiêu Hà Trục.

- Nâng cấp các công tiêu như Lãng, Huru, Hón Nu, Sôi, Giắt, Mọ, Vinh, Khua, Hà Trục, Đắc Trí... để tăng khả năng tiêu thoát ra sông Cầu Chày.

#### **b) Vùng tiêu hữu sông Cầu Chày**

- Khu tiêu trạm bơm Quang Hoa:

+ Mở rộng công tiêu Quang Hoa thêm 01 cửa đảm bảo tiêu thoát kịp thời với lưu lượng tiêu 20,2 m<sup>3</sup>/s.

+ Nạo vét, kiên cố kênh tiêu Mau Lợi và các kênh tiêu nhánh đảm bảo tiêu cho 2.200 ha.

- Nạo vét, kiên cố kênh tiêu Thọ Minh - Thọ Lập tiêu cho 1.500 ha; nạo vét kênh tiêu Đồng Dẫn tiêu cho 600 ha.

- Xây dựng mới trạm bơm tiêu Cống Xôn và kênh dẫn, quy mô dự kiến 3 máy x 2.500 m<sup>3</sup>/h.

- Mở tuyến kênh dẫn theo hướng thẳng từ vị trí kênh chảy qua cầu máng Cống Tây ra sông Cầu Chày, đồng thời phá dỡ các ách tắc đảm bảo truyền tải lưu lượng cắt lũ cho sông Cầu Chày.

- Nâng cấp các công tiêu khác trên đê hữu sông Cầu Chày.

#### *c) Vùng tiêu ra sông Mã*

- Mở rộng công Kiểu tăng khả năng tiêu thoát cho các xã Quý Lộc, Yên Trường và tiêu cho hệ thống kênh Bắc Sông Chu - Nam Sông Mã.

- Mở rộng công Bông Vãn để tiêu cho lưu vực khu vực xã Quý Lộc qua suối Hón Xuông.

- Xây dựng mới trạm bơm tiêu Yên Trường và kênh dẫn, tiêu cho 510 ha của các xã Quý Lộc, Yên Trường thường xuyên ngập úng.

- Đối với khu tiêu trạm bơm Phú Ninh: Nạo vét kênh tiêu chính đảm bảo tiêu thoát kịp thời cho 323 ha khi mực nước sông lớn.

- Khu tiêu trạm bơm Yên Thôn: Nạo vét kênh tiêu của trạm bơm gồm kênh chính và kênh Định Tiến, kênh Hải Tiến... đảm bảo tiêu thoát kịp thời cho 725 ha khi mực nước sông lớn.

#### *d) Vùng tiêu ra sông Chu*

Khu vực sông Âm, suối Côn đang tiêu ra sông Chu thuận lợi bằng các sông, suối tự nhiên, không bổ sung giải pháp tiêu. Đối với giải pháp tiêu khu vực sông Mậu Khê ra sông Chu, như sau:

- Nạo vét các kênh tiêu nhánh, gồm: Lam Vĩ, Nỏ Nồi, Mau Láng, Giang Quang, Nguyên Hưng và kênh tiêu 202.

- Nâng cấp đầu mối và kênh tiêu trạm bơm tiêu Thiệu Duy đảm bảo tiêu úng cho 1.856 ha, trạm bơm Thiệu Thịnh đảm bảo tiêu úng cho 1.805 ha.

- Giai đoạn 2030 - 2045, khi điều kiện kinh tế phát triển, khu tiêu có nhiều vùng sản xuất công nghiệp, đô thị, nghiên cứu xây dựng trạm bơm tiêu Mậu Khê để tiêu cho toàn bộ sông Mậu Khê ra sông Chu với quy mô từ (40 - 50) m<sup>3</sup>/s.

### **3. Nhóm giải pháp phi công trình**

#### ***3.1. Đẩy mạnh tuyên truyền trong công tác phòng, chống thiên tai***

- Tuyên truyền cho các đối tượng: Chính quyền các cấp, người dân, tổ chức thủy lợi cơ sở, các doanh nghiệp trực tiếp tham gia quản lý, cung cấp dịch vụ thực hiện tốt các giải pháp phòng, chống thiên tai.

- Lồng ghép kế hoạch, phương án về phòng, chống thiên tai trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Đẩy mạnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tài nguyên nước, phòng, chống thiên tai, thủy lợi, đề điều cho các xã. Tăng cường tuyên truyền trên các phương tiện thông tin truyền thông, hội nghị, hội thảo, tập huấn..., lồng ghép vào các quy hoạch, đề án, chương trình của các ngành, các địa phương.

### **3.2. Kiện toàn, nâng cao năng lực bộ máy, tổ chức quản lý**

- Hợp nhất các Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh theo hướng gọn nhẹ, hoạt động hiệu quả, tiết kiệm ngân sách nhà nước, tăng thu nhập cho người lao động.

- Tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực, nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ trực tiếp làm công tác quản lý cấp xã, người của các tổ chức thủy lợi cơ sở, đặc biệt là các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, quy trình kỹ thuật mới... theo chính quyền 2 cấp.

### **3.3. Đẩy mạnh chuyển đổi số công cụ theo dõi, giám sát tài nguyên nước và cơ sở hạ tầng**

Tăng cường giám sát trên cơ sở nền tảng công nghệ số, kỹ thuật hiện đại, tiên tiến; vận hành, cập nhật hệ thống thường xuyên, định kỳ kết nối với hệ sinh thái chuyển đổi số của ngành nông nghiệp và công tác quản lý.

### **3.4. Hành lang bảo vệ công trình tiêu thoát nước**

- Rà soát cấm mọc hành lang bảo vệ các trục chính tiêu thoát nước, ngăn ngừa và có biện pháp bảo vệ, xử lý các sai phạm, lấn chiếm hành lang, đặc biệt là các khu vực trục tiêu đi qua các khu dân cư, khu đô thị.

- Rà soát khu vực bãi sông như bãi sông Cầu Chày, loại bỏ các cây trồng gây cản trở lũ như các khu vực trồng mía có diện tích lớn, cây thân gỗ, tre....

### **3.5. Giải pháp khoa học, công nghệ**

Tăng cường ứng dụng các giải pháp khoa học, công nghệ, trí tuệ nhân tạo AI trong vận hành hệ thống công trình thủy lợi trong mùa mưa lũ, hướng tới vận hành thời gian thực đảm bảo hiệu quả, kịp thời. Xây dựng quy trình vận hành các công trình tiêu ứng để vận hành chủ động, kịp thời, đồng bộ, hiệu quả phù hợp với tình hình mưa lũ, điều kiện tiêu thoát trong khu vực hiện nay.

## **III. DỰ KIẾN KINH PHÍ VÀ NGUỒN VỐN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

**1. Dự kiến kinh phí: 1.687,5 tỷ đồng** (Một nghìn sáu trăm tám mươi bảy tỷ, năm trăm triệu đồng); trong đó:

- Giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030: 514,9 tỷ đồng.

- Giai đoạn từ năm 2031 đến năm 2045: 1.172,6 tỷ đồng.

(có Phụ lục danh mục đầu tư gửi kèm theo)

### **2. Dự kiến nguồn vốn**

Nguồn vốn thực hiện Đề án được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác theo quy định hiện hành của pháp luật; trong đó: Nguồn vốn Trương ương và ODA: 1.027,5 tỷ đồng, nguồn vốn ngân sách tỉnh: 641,25 tỷ đồng, nguồn vốn huy động hợp pháp khác: 18,75 tỷ đồng.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### **1. Sở Nông nghiệp và Môi trường**

- Tham mưu cho UBND tỉnh trong các quyết định, cơ chế, chính sách có liên quan về quản lý và tiêu thoát nước vùng nghiên cứu. Đề xuất bổ sung các

giải pháp tiêu thoát nước vào Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan lập quy hoạch, điều tra cơ bản, kiểm kê tài nguyên nước trong công trình thủy lợi; thực hiện chương trình, dự án trọng điểm về thủy lợi, đê điều, phòng, chống thiên tai....

- Chủ trì rà soát, thống kê, đánh giá và phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan thực hiện danh mục nhiệm vụ, dự án ưu tiên đầu tư, trên cơ sở đó xây dựng các chương trình cụ thể, xác định rõ các nội dung cần ưu tiên, phân định nhiệm vụ cho các sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, đẩy mạnh các hoạt động thông tin, truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về thủy lợi, đê điều, phòng, chống thiên tai, công tác quản lý, khai thác và sử dụng nước trong hệ thống thủy lợi.

- Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc (nếu có) trong quá trình thực hiện Đề án; báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

## **2. Sở Tài chính**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và các đơn vị liên quan tích hợp các nội dung của Đề án này vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của UBND tỉnh, ngành, địa phương.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu cho UBND tỉnh báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền cho phép tích hợp các giải pháp tiêu thoát nước của Đề án vào Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Tham mưu, báo cáo UBND, HĐND tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước trong kế hoạch đầu tư công, ngân sách hàng năm và nguồn vốn khác do ngân sách tỉnh đảm nhận theo quy định để thực hiện có hiệu quả những nội dung của Đề án được duyệt.

## **3. Các sở, ngành và đơn vị có liên quan**

Theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp với cơ quan được giao chủ trì tham mưu để chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện các nội dung của Đề án theo quy định.

## **4. UBND các xã**

- Tổ chức thực hiện lồng ghép các nội dung của Đề án trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; đồng thời, phối hợp với các sở, ngành theo dõi, thực hiện Đề án này.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các sở, ngành khác có liên quan, căn cứ nội dung Đề án xây dựng kế hoạch, chương trình đầu tư hàng năm theo đúng lộ trình.

- Lập kế hoạch, phối hợp với các sở, ngành trong việc nâng cao năng lực, đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý và khai thác, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước.

- Có trách nhiệm tuyên truyền, vận động nhân dân nâng cao hiểu biết về phòng, chống thiên tai, bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều.

### **5. Đơn vị quản lý công trình**

Xây dựng kế hoạch khai thác, vận hành hàng năm; áp dụng, ứng dụng khoa học, công nghệ trong theo dõi, giám sát tình hình mưa, dòng chảy lũ, tình hình ngập úng để có phương án khai thác, vận hành an toàn, hiệu quả.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Giám đốc Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Nam Sông Mã, Chủ tịch UBND các xã: Yên Định, Yên Trường, Yên Phú, Quý Lộc, Yên Ninh, Định Tân, Định Hòa, Thọ Lập, Xuân Tín, Xuân Lập, Lam Sơn, Ngọc Lặc, Thạch Lập, Ngọc Liên, Minh Sơn, Nguyệt Ấn, Kiên Thọ, Thiệu Hóa, Thiệu Quang, Thiệu Tiến, Cẩm Vân và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 QĐ;
  - Bộ Tài chính
  - Bộ Nông nghiệp và Môi trường
  - TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh
  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh
  - Ủy ban MTTQ và các đoàn thể cấp tỉnh;
  - Lưu: VT, NNMT.
- } (để b/c);

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Cao Văn Cường**

**Phụ lục 01: Dự kiến tổng kinh phí đầu tư**  
**Đề án nghiên cứu các giải pháp tiêu úng cho khu vực các xã vùng Bắc Sông Chu - Nam Sông Mã**  
**giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Phân kỳ đầu tư (tỷ đồng)		
				Tổng	2026-2030	2031-2045
<b>I</b>	<b>Giải pháp phi công trình</b>			<b>70,00</b>	<b>27,20</b>	<b>42,80</b>
1	Đẩy mạnh tuyên truyền trong công tác phòng, chống thiên tai	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương liên quan	6	2	4
2	Kiện toàn, nâng cao năng lực bộ máy, tổ chức quản lý	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương liên quan	6	2	4
3	Đẩy mạnh công cụ theo dõi, giám sát tài nguyên nước và cơ sở hạ tầng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương liên quan	20	8	12
4	Hành lang bảo vệ công trình tiêu thoát nước	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương liên quan	18	7,2	10,8
5	Giải pháp khoa học, công nghệ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương liên quan	20	8	12
<b>II</b>	<b>Giải pháp công trình</b>			<b>1.617,50</b>	<b>487,70</b>	<b>1.129,80</b>
1	Nhóm giải pháp tăng cường thoát nước cho các trục tiêu chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương liên quan	835,8	300,8	535,0
2	Nhóm giải pháp tiêu thoát nước từ kênh Bắc Sông Chu - Nam Sông Mã	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương liên quan	238,25	140,4	97,85
3	Nhóm giải pháp tăng cường năng lực cho các hệ thống tiêu nội đồng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương liên quan	543,45	46,5	496,95
	<b>Tổng kinh phí</b>			<b>1.687,50</b>	<b>514,90</b>	<b>1.172,60</b>

**Phụ lục 02: Danh mục ưu tiên đầu tư**  
**Đề án nghiên cứu các giải pháp tiêu úng cho khu vực các xã vùng Bắc Sông Chu - Nam Sông Mã**  
**giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

<b>TT</b>	<b>Tên công trình</b>	<b>Vị trí</b>	<b>Kinh phí (tỷ đồng)</b>
1	Đầu tư xây dựng hệ thống tiêu công Ngọc Quang (xây dựng mới công Ngọc Quang và nạo vét, thanh thải sông Quanh)	Xuân Lập	130,00
2	Nâng cấp công Kiều	Yên Trường	15,00
3	Thanh thải, khơi thông, cắt cỏ bầu và nạo vét sông Cầu Chày giai đoạn I	Yên Phú, Yên Ninh, Yên Định, Định Hòa, Xuân Lập, Thiệu Tiến, Thiệu Hóa, Thiệu Quang	100,00
4	Nạo vét, cải dịch suối Thi giai đoạn I	Kiên Thọ, Thọ Lập	35,45
5	Nạo vét, lên bờ bao suối Pheo, đào mới tuyến kênh dẫn nước từ công xả K14+706 kênh Chính	Kiên Thọ	22,00
6	Thanh thải, khơi thông suối Lãi ra sông Âm	Nguyệt Án	10,00
7	Xây dựng mới công xả sự cố tại vị trí K27+471 kênh chính Bắc	Yên Trường	40,00
8	Mở rộng các tuyến kênh tiêu trên kênh Chính ra suối tự nhiên	Liên xã	22,00
	<b>Tổng cộng</b>		<b>374,45</b>

**Phụ lục 03: Kinh phí đầu tư cho giải pháp công trình**  
**Đề án nghiên cứu các giải pháp tiêu úng cho khu vực các xã vùng Bắc Sông Chu - Nam Sông Mã**  
**giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên công trình	Vị trí	Quy mô dự kiến	Kinh phí (tỷ đồng)		
				Tổng	2026-2030	2031-2045
<b>I</b>	<b>Giải pháp tăng cường thoát nước cho các trục tiêu chính</b>			<b>825,80</b>	<b>300,80</b>	<b>525,00</b>
1	Thanh thải, nạo vét và tăng cường thoát nước cho sông Cầu Chày			560,00	230,00	330,00
-	Đầu tư xây dựng hệ thống tiêu cống Ngọc Quang (xây dựng mới cống Ngọc Quang và nạo vét, thanh thải sông Quanh)	Xuân Lập		130,00	130,00	
-	Thanh thải, cắt cỏ bầu một số đoạn thuộc các xã Xuân Lập, Yên Ninh, Yên Định, Định Hòa, Yên Phú; mở rộng đáy sông đoạn từ ngã ba xã Yên Phú đến xã Xuân Lập và đoạn từ xã Xuân Vinh đến cửa sông Cầu Chày nhập vào sông Mã	Yên Ninh, Yên Định, Định Hòa, Yên Phú, Xuân Lập, Xuân Vinh	L = 42,6 km	350,00	100,00	250,00
-	Nạo vét, thanh thải, cắt cỏ bầu nhánh sông Hép từ hạ lưu cầu Máng sông Hép đến ngã ba đổ vào sông Cầu Chày tại xã Yên Phú	Yên Phú	L = 12,86 km	80,00		80,00
2	Nạo vét, cải dịch suối Thi			130,80	70,80	60,00
-	Đào mới tuyến kênh dẫn nước từ hạ lưu cống luồn số 19 kênh Chính đến dòng chính suối Thi (đoạn đi sát nhà dân cần được gia cố, tránh sạt lở)	Kiên Thọ	L = 0,9 km	35,35	35,35	
-	Nạo vét suối Thi	Kiên Thọ, Thọ Lập	L = 16 km	90,00	30,00	60,00

TT	Tên công trình	Vị trí	Quy mô dự kiến	Kinh phí (tỷ đồng)		
				Tổng	2026-2030	2031-2045
-	Cải dịch, gia cố, tránh sạt lở đoạn suối Thi đi sát bờ kênh chính Nam	Kiên Thọ	L = 2 km	5,45	5,45	
3	Thanh thải, nạo vét, lên đê sông Mậu Khê			135,00		135,00
-	Nạo vét, thanh thải hệ thống tiêu thoát sông Mậu Khê và các kênh nhánh; hiện đại hóa vận hành các đập chắn giữ nước trên sông như Cổ Bầu, Khánh Hội, Phú Điền...; lên đê sông Mậu Khê	Thiệu Tiến, Thiệu Hóa, Thiệu Quang	L = 27 km	120,00		120,00
-	Làm mới cầu Thành Đông, đập Oanh Kiều			15,00		15,00
<b>II</b>	<b>Giải pháp tiêu thoát nước từ kênh Bắc Sông Chu - Nam Sông Mã</b>			<b>238,25</b>	<b>140,40</b>	<b>97,85</b>
<b>A</b>	<b>Giải pháp tiêu thoát nước đảm bảo an toàn trên kênh</b>			<b>119,70</b>	<b>76,70</b>	<b>43,00</b>
1	Kênh Chính			32,00	32,00	
a	Nạo vét, lên bờ bao suối Pheo, đào mới tuyến kênh dẫn nước từ cống xả K14 +706 kênh Chính			22,00	22,00	
-	Nạo vét, lên bờ bao suối Pheo		L = 2 km	12,00	12,00	
-	Đào mới tuyến kênh dẫn nước từ cống xả K14+706 kênh Chính		L = 2,64 km	10,00	10,00	
b	Thanh thải, khơi thông suối Lãi ra sông Âm			10,00	10,00	
2	Kênh chính Bắc			59,70	44,70	15,00
-	Xây dựng mới cống xả sự cố tại K27+471 kênh chính Bắc	Yên Trường	$n \times B \times H = 2 \times (2,8 \times 2,2) \text{ m}$	40,00	40,00	
-	Mở rộng kênh tiêu sau cống xả sự cố tại K27+471 kênh chính Bắc	Yên Trường	$B \times H \times L = 4 \times 2,5 \times 605 \text{ m}$	4,70	4,70	
-	Xây dựng mới cống xả sự cố từ kênh B30 bên bờ tả xuống kênh tiêu Thị Trấn hiện có	Định Tân	$B \times H \times L = 2 \times 1,5 \times 30 \text{ m}$	15,00		15,00

TT	Tên công trình	Vị trí	Quy mô dự kiến	Kinh phí (tỷ đồng)		
				Tổng	2026-2030	2031-2045
3	Kênh chính Nam			28,00		28,00
-	Xây dựng mới tràn ra trước thượng lưu dốc nước Xuân Tín phía bờ tả tại K12+250	Xuân Tín		28,00		28,00
<b>B</b>	<b>Giải pháp kết nối các cống tiêu luồn, kênh xả sự cố kênh Chính, kênh chính Bắc, kênh chính Nam với hệ thống tiêu hiện có</b>			<b>118,55</b>	<b>63,70</b>	<b>54,85</b>
1	Kênh chính			27,90	22,00	5,90
a	Mở rộng tuyến kênh tiêu			22,00	22,00	
-	Mở rộng các tuyến kênh tiêu trên kênh Chính ra suối tự nhiên			22,00	22,00	
b	Làm mới tuyến kênh tiêu			5,90		5,90
-	Đường dẫn gom nước từ cống tiêu số 16	Kiên Thọ	L = 0,3 km	2,20		2,20
-	Đường dẫn hạ lưu cống tiêu 14 và 14A dẫn ra suối chính tiêu về suối Côn	Kiên Thọ	L = 0,87 km	3,70		3,70
2	Kênh chính Bắc			59,20	26,60	32,60
a	Mở rộng tuyến kênh tiêu			29,50	18,90	10,60
-	Tuyến kênh tiêu hạ lưu các cống tiêu số 10, 11	Thọ Lập	BxHxL = 3x1,5x500 m	3,90	3,90	
-	Tuyến kênh tiêu hạ lưu cống tiêu số 12 tại K3+904 về xã Thọ Lập	Thọ Lập	BxHxL = 3x1,5x4.000 m	5,90	5,90	
-	Tuyến kênh tiêu hạ lưu cống tiêu số 13 tại K5+654	Minh Sơn	BxHxL = 3x1,5x200 m	2,40	2,40	
-	Kênh tiêu từ cống tiêu số 14 tại K6+30,97 nối tiếp đập làng Giác	Minh Sơn	BxHxL = 3x1,5x1.300 m	3,50	3,50	
-	Đoạn kênh tiêu từ cống tiêu số 15 tại K6+726,67 nối tiếp về hồ Vùng Thỏ	Minh Sơn	BxHxL = 3x1,5x1.500 m	3,20	3,20	
-	Đoạn kênh tiêu từ cống tiêu số 16 nối tiếp về hồ Vùng Thỏ tại K6+921,27	Minh Sơn	BxHxL = 3x1,5x1.300 m	3,60		3,60

TT	Tên công trình	Vị trí	Quy mô dự kiến	Kinh phí (tỷ đồng)		
				Tổng	2026-2030	2031-2045
-	Đoạn kênh tiêu từ cống tiêu số 17 nối tiếp về hồ Vùng Thổ tại K7+247,77	Minh Sơn	BxHxL = 2x1,5x1.000 m	1,95		1,95
-	Tuyến kênh tiêu từ hạ lưu tràn ra sông Cầu Chày tại K10+328,7	Minh Sơn	BxHxL = 3,1,5x500 m	1,75		1,75
-	Tuyến kênh tiêu cũ từ tràn ra số 4 (bờ hữu) tại K12+12,3 đến cống tiêu số 23	Ngọc Liên	BxHxL = 3x1,5x500 m	1,75		1,75
-	Tuyến kênh tiêu cũ bên cạnh kênh tưới B18	Quý Lộc	BxHxL = 3x1,5x350 m	1,55		1,55
b	Làm mới tuyến kênh tiêu			29,70	7,70	22,00
-	Tuyến kênh tiêu từ tràn ra số 1 (bờ hữu) tại K2+692 đến suối tiêu làng Xuân Thành	Thọ Lập	BxHxL = 3x1,5x400 m	3,20	3,20	
-	Nối dài đoạn kênh tiêu sau đoạn mở rộng từ tràn ra số 4 (bờ hữu) tại K12+12,3 đến cống tiêu số 23	Ngọc Liên	BxHxL = 3x1,5x700 m	4,50	4,50	
-	Tuyến kênh tiêu từ cống tiêu T2 thuộc kênh B12 (tại K0+930 kênh B12)	Ngọc Liên	BxHxL = 1,5x1x1.300 m	6,30		6,30
-	Kênh tiêu bên cạnh kênh tưới B18-1	Quý Lộc	BxHxL = 3x1,5x350 m	3,15		3,15
-	Kênh tiêu nước nối từ cống tiêu số 41 với cống tiêu số 42 và cống tiêu số 43 đoạn K26+896,32 - K27+282,24	Yên Trường	BxHxL = 3x1,5x590 m	3,75		3,75
-	Kênh tiêu nước từ cống tiêu số 43a tại K27+595 về kênh tiêu Phủ Lòi	Yên Trường	BxHxL = 3x1,5x800 m	4,40		4,40
-	Tuyến kênh tiêu thu nước về kênh tiêu Trại Cá (cống tiêu luồn qua kênh chính Bắc vị trí K29+276,33)	Yên Trường	BxHxL = 3x1,5x800 m	4,40		4,40

TT	Tên công trình	Vị trí	Quy mô dự kiến	Kinh phí (tỷ đồng)		
				Tổng	2026-2030	2031-2045
3	Kênh chính Nam			31,45	15,10	16,35
a	Mở rộng tuyến kênh tiêu			7,35	7,35	
-	Kênh tiêu từ tràn ra cống điều tiết Kiên Thọ (K0+58) đến cống tiêu T1; làm mới 02 cống tiêu qua đường dân sinh	Kiên Thọ		7,35	7,35	
b	Làm mới tuyến kênh tiêu			24,10	7,75	16,35
-	Kênh tiêu từ tràn ra số 2 tại K8+78 đến kênh nhánh của kênh tiêu Xuân Châu - Thọ Lập	Thọ Lập	BxHxL = 3x1,5x700 m	4,10	4,10	
-	Kênh tiêu từ tràn ra số 3 tại K13+655 đến kênh nhánh của kênh tiêu Mau Lợi	Xuân Tín	BxHxL = 3x1,5x550 m	3,65	3,65	
-	Kênh tiêu từ tràn ra số 4 tại K15+353 đến kênh nhánh của kênh tiêu Mau Lợi	Xuân Tín	BxHxL = 3x1,5x400 m	3,20		3,20
-	Kênh tiêu từ tràn ra số 5 tại K18+263 đến kênh nhánh của kênh tiêu Đồng Đản	Xuân Lập	BxHxL = 3x1,5x70 m	1,23		1,23
-	Kênh tiêu từ tràn ra số 6 tại K20+548 đến kênh tiêu Đồng Đản	Xuân Lập	BxHxL = 3x1,5x1.300 m	6,90		6,90
-	Kênh tiêu dọc kênh N11 để tiêu cho diện tích xã Thiệu Quang	Thiệu Quang	BxHxL = 2x1,5x750 m	5,02		5,02
<b>III</b>	<b>Giải pháp tăng cường năng lực cho các hệ thống tiêu nội đồng</b>			<b>553,45</b>	<b>46,50</b>	<b>506,95</b>
1	Vùng tiêu tả sông Cầu Chày			122,15	31,50	90,65
a	Nạo vét kênh tiêu			92,15	25,00	67,15
-	Kênh Đồng Lược (trạm bơm Yên Phú)	Yên Phú	L = 3,2 km	5,50	5,50	
-	Kênh Cầu Nhìn, kênh 19/5, kênh Mau Bồn, dòng chính Hón En; làm mới tuyến kênh tiêu Yên Lạc (trạm bơm Cầu Khải)	Yên Ninh, Yên Trường, Yên Định	L chính = 2,5 km; L nhánh = 17,38 km	37,65		37,65

TT	Tên công trình	Vị trí	Quy mô dự kiến	Kinh phí (tỷ đồng)		
				Tổng	2026-2030	2031-2045
-	Kênh Tân Bình, kênh tiêu xã Yên Định	Định Tân, Định Hòa, Yên Định	L = 12,1 km	19,50	19,50	
-	Nạo vét các kênh Tường Vân, kênh Định Hòa, kênh Cờ Đỏ (trạm bơm Tường Vân)	Định Tân, Định Hòa	L = 10,95 km	19,50		19,50
	Nạo vét, mở rộng tuyến kênh tiêu Hà Trục	Yên Định	L = 5 km	10,00		10,00
b	Nâng cấp trạm bơm			10,00		10,00
-	Nội Hà (bổ sung thêm 02 máy)	Định Hòa		10,00		10,00
c	Nâng cấp cống tiêu			20,000	6,50	13,500
-	Các cống Lãng, Hưu, Hón Nu, Sôi, Giắt, Mọ, Vinh, Khua, Hà Trục, Đắc Trí...	Yên Phú, Định Hòa		20,00	6,50	13,50
2	Vùng tiêu hữu sông Cầu Chày			125,50		125,50
a	Nạo vét kênh tiêu			42,50		42,50
-	Nạo vét, kiên cố kênh tiêu Mau Lợi và các kênh tiêu nhánh	Xuân Tín, Xuân Lập	L = 13 km	28,50		28,50
-	Nạo vét, kiên cố kênh tiêu Thọ Minh - Thọ Lập	Thọ Lập	L = 3,5 km	6,50		6,50
-	Nạo vét kênh tiêu Đồng Đản	Xuân Lập	L = 4 km	7,50		7,50
b	Nâng cấp cống tiêu			58,00		58,00
-	Mở rộng cống tiêu Quang Hoa	Xuân Lập	nxBxH = 12x(2x2,5) m	28,00		28,00
-	Nâng cấp các cống tiêu khác			30,00		30,00
c	Xây dựng mới trạm bơm			15,00		15,00
-	Trạm bơm tiêu Cống Xôn và kênh dẫn	Thiệu Tiến	3 máyx2.500 m <sup>3</sup> /h	15,00		15,00
d	Mở tuyến kênh dẫn theo hướng thẳng từ vị trí kênh chảy qua cầu máng Cống Tây ra sông Cầu Chày	Xuân Lập		10,00		10,00
3	Vùng tiêu ra sông Mã			75,50	15,00	60,50
a	Nâng cấp cống Kiều			15,00	15,00	

TT	Tên công trình	Vị trí	Quy mô dự kiến	Kinh phí (tỷ đồng)		
				Tổng	2026-2030	2031-2045
b	Nạo vét kênh tiêu			28,50		28,50
-	Nạo vét kênh tiêu trạm bơm Phú Ninh	Định Hòa	L = 3,5 km	6,00		6,00
-	Nạo vét kênh chính, hạ thấp đáy kênh Định Tiến, Hải Tiến và kênh trạm bơm Yên Thôn...	Định Tân	L = 7,76 km	22,50		22,50
c	Nâng cấp công Bông Văn	Quý Lộc		10,00		10,00
d	Xây dựng mới trạm bơm Yên Trường và kênh dẫn	Yên Trường	4x2.500 m <sup>3</sup> /h	22,00		22,00
4	Vùng tiêu ra sông Chu			230,30		230,30
a	Nạo vét kênh tiêu			21,30		21,30
-	Lam Vĩ	Thiệu Tiến	L = 1,27 km	2,05		2,05
-	Nỗ Nội	Thiệu Tiến	L = 1,79 km	3,05		3,05
-	Mau Láng	Thiệu Hóa, Thiệu Quang	L = 5,3 km	8,50		8,50
-	Giang Quang	Thiệu Quang	L = 0,79 km	1,45		1,45
-	Nguyễn Hưng	Thiệu Hóa	L = 1,4 km	2,50		2,50
-	Kênh 202	Thiệu Quang	L = 1,9 km	3,75		3,75
b	Xây dựng trạm bơm tiêu vọt Mậu Khê	Thiệu Quang	Q = 40 - 50 m <sup>3</sup> /s	150,00		150,00
c	Khu tiêu trạm bơm Thiệu Duy			30,00		30,00
-	Nâng cấp trạm bơm Thiệu Duy	Thiệu Quang	10x3.700 m <sup>3</sup> /h	17,80		17,80
-	Nạo vét kênh tiêu	Thiệu Hóa, Thiệu Quang	L = 8,015 km	12,20		12,20
d	Khu tiêu trạm bơm Thiệu Thịnh			29,00		29,00
-	Nâng cấp trạm bơm Thiệu Thịnh	Thiệu Quang	10x3.700 m <sup>3</sup> /h	17,50		17,50
-	Nạo vét kênh tiêu Thiệu Thịnh	Thiệu Quang	L = 7,5 km	11,50		11,50
	<b>Tổng cộng</b>			<b>1.617,50</b>	<b>487,70</b>	<b>1.129,80</b>